



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

Số: 88/BDHC-P2

Về việc Báo cáo thường niên
năm 2025.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

- Mã chứng khoán: BSA
- Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 Ngô Quyền, P. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại liên hệ: 0262.3 891 368 – Fax: 0262.3 891 348
- E-mail: srepok4a@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 09/04/2026, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 09/04/2026 tại website: www.thuydienbuondon.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P2.

**Đại diện Tổ chức
Người được ủy quyền CBTT**

Lê Thị Kiều Vi



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN
BUON DON HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Tầng 7, KS. Biệt Điện, 01 Ngõ Quyền, P. Buôn Ma Thuật, T. Đắk Lắk

Tel: 02623. 891368 Fax: 02623. 891348

Website: thuydienbuondon.vn

Email: srepok4a@gmail.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025



Đắk Lắk, tháng 04 năm 2026



THÔNG DIỆP

CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Ông Vương Anh Dũng
Chủ tịch HĐQT

Kính gửi: Quý Cổ đông

Năm 2025 khép lại với nhiều sự biến đổi về khí hậu, thay đổi về thủ tục hành chính do công tác sát nhập địa phương. Trong bối cảnh đó, Công ty chúng ta luôn nỗ lực để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, ổn định và thực hiện đầy đủ trách nhiệm với cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Năm qua, Công ty đã vận hành nhà máy thủy điện an toàn, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của cơ quan quản lý nhà nước. Sản lượng điện sản xuất và doanh thu vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, đóng góp tích cực vào an ninh năng lượng quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn thực hiện tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả quản trị đảm bảo lợi ích hài hòa giữa cổ đông và sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp. Ngoài ra, Công ty luôn đặt lợi ích kinh tế song hành với trách nhiệm bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, đặc biệt chú trọng việc phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò của thủy điện, cũng như bảo vệ môi trường nguồn nước; hưởng ứng các phong trào thiện nguyện, nhân đạo hỗ trợ bà con địa phương, tạo dựng cộng đồng đoàn kết và tạo ra các giá trị bền vững cho doanh nghiệp và xã hội.

Bước sang năm 2026, chúng tôi cam kết tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, tối ưu hiệu quả vận hành, đảm bảo giá trị lâu dài cho cổ đông và đóng góp tích cực cho an ninh năng lượng quốc gia.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý Cổ đông, sự hợp tác chặt chẽ của các Đối tác, cùng tinh thần trách nhiệm và nỗ lực không ngừng của toàn thể Cán bộ Nhân viên.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và thịnh vượng.

GIỚI THIỆU CÔNG TY

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN
- Tên giao dịch Quốc Tế: Buon Don Hydropower Joint Stock Company
- Tên viết tắt: BDHC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000884487
- Vốn điều lệ: 668.509.750.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi tám tỷ, năm trăm linh chín triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng*)
- Vốn Chủ sở hữu: 966.799.475.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*)
- Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, số 01 đường Ngô Quyền, Phường Buôn Ma thuật, tỉnh Đắk Lắk.
- Số điện thoại: 0262.3891368
- Số fax: 0262.3891348
- Website: www.thuydienbuondon.vn
- Mã chứng khoán: BSA
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công trình thủy điện Srêpôk 4A có công suất 64MW (2 tổ máy). Công trình có tuyến kênh dẫn và kênh xả dài 14km lấy nước trực tiếp từ nhà máy Srêpôk 4, đi qua địa bàn 3 xã Ea Wer, Ea Huar, Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã Ea Wer, Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk).



Lịch sử hình thành và phát triển của công trình thể hiện qua các mốc chính sau:

Năm 2009:

- Ngày 20/5/2009 thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
- Ngày 27/5/2009 dự án Thủy điện Srêpôk 4A được Bộ Công thương thẩm định thiết kế cơ sở.
- Ngày 06/8/2009 HĐQT Công ty ký quyết định phê duyệt đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 4A.

Năm 2010:

- Ngày 03/02/2010 Công ty được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đầu tư.
- Ngày 16/4/2010 dự án được UBND huyện Buôn Đôn cấp giấy phép xây dựng.
- Ngày 24/5/2010 dự án được Chính phủ ký bổ sung vào quy hoạch điện VI.
- Ngày 24/11/2010 Ký kết hợp đồng xây dựng cụm công trình khu vực nhà máy, cũng trong tháng 11 dự án chính thức được khởi công xây dựng.

Năm 2013:

- Ngày 20/7/2013 hoàn thiện toàn bộ công tác lắp đặt trạm phân phối, trạm biến áp hòa vào lưới điện 220 KV.
- Ngày 26/11/2013 hoàn thiện toàn bộ kênh dẫn nước, kênh xả, cụm nhà máy thủy điện và các công trình trên kênh đủ điều kiện thông nước phục vụ cho công tác thử nghiệm thiết bị.
- Ngày 25/12/2013 hòa lưới TM1 vào hệ thống điện Quốc Gia.

Năm 2014: Ngày 17/01/2014 hòa lưới TM2 vào hệ thống điện Quốc gia.

Năm 2015: Tháng 04/2015 trở thành Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán.

Năm 2018: Ngày 27/01/2018 Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A cán mốc sản lượng 01 tỷ kWh.

Sau khi đi vào sản xuất ổn định, hằng năm nhà máy cung cấp nguồn năng lượng điện sạch khoảng 257 triệu kWh cho lưới điện quốc gia, hàng năm đóng góp cho ngân sách địa phương trên 70 tỷ đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính:

Sản xuất điện.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty vận hành Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A đặt tại xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk).



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

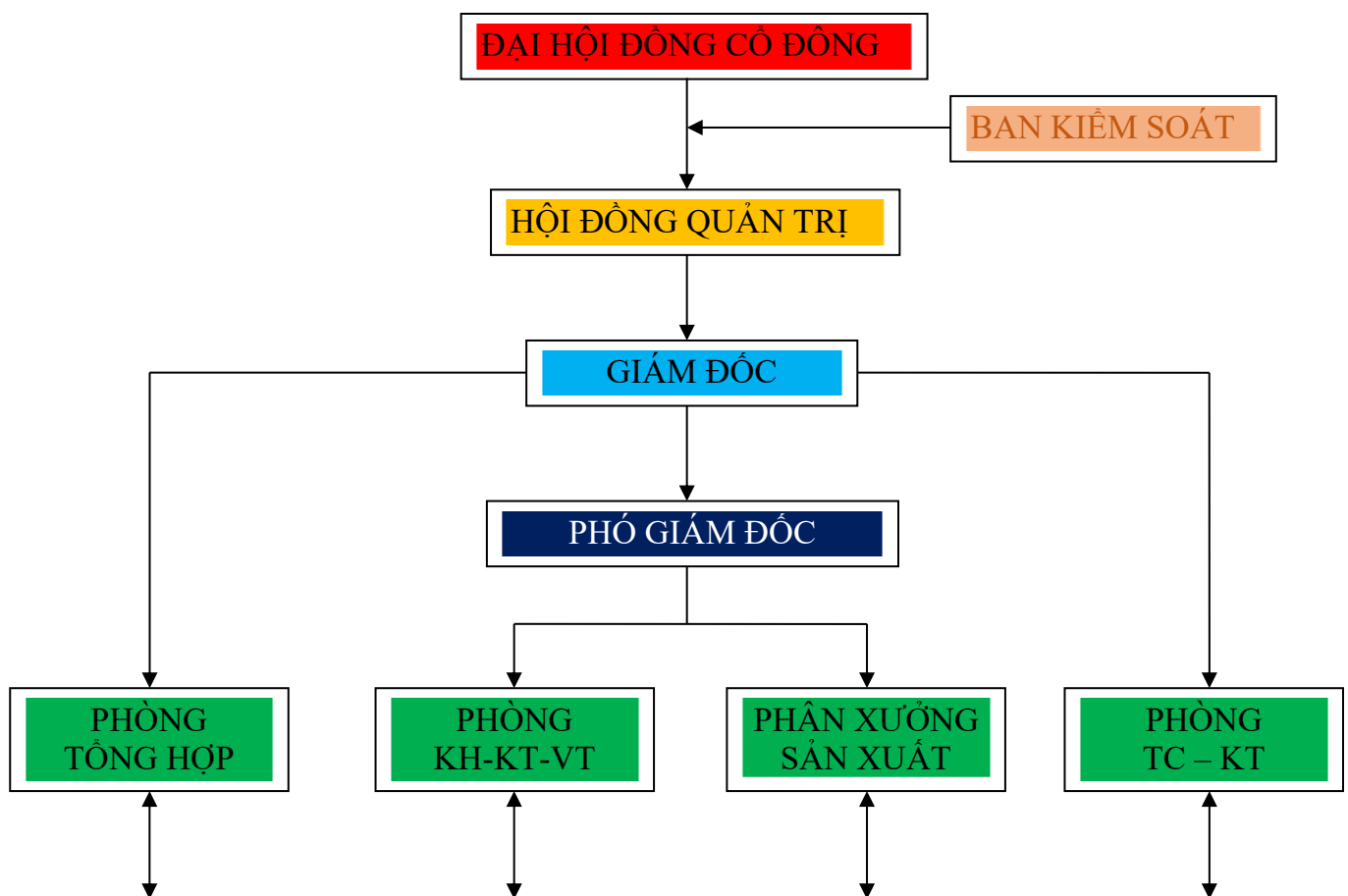
Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Ban giám đốc (BGĐ): Là cơ quan điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát (BKS): Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



→ Quan hệ chỉ đạo, điều hành

↔ Quan hệ phối hợp, hướng dẫn

3.3 Cổ đông lớn:

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4:

- Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh chính: Khảo sát, tư vấn quy hoạch, thiết kế hệ thống điện, giải pháp đáp ứng chất lượng điện năng Hệ thống điện trong vận hành, bảo dưỡng.
- Vốn góp: 207.241.820.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn: 31%

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa:

- Địa chỉ: Khu Phố Hương Giang, Phường Long Hương, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện.
- Vốn góp: 167.130.500.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn: 25%

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại:

- Địa chỉ: Km 28 quốc lộ 18, Phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng
- Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh chính: Sản xuất điện năng từ nhiên liệu than thiên nhiên
- Vốn góp: 100.278.300.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn: 15%

Ông Nguyễn Văn Luận

- Cổ đông cá nhân
- Địa chỉ: Số 11- Lô ¾, 151 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Vốn góp: 62.269.220.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn: 9,31%

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2:

- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
- Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh chính: Khảo sát, thiết kế, giám sát và quản lý xây dựng các dự án nguồn điện và lưới điện
- Vốn góp: 33.426.090.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn: 5%.

4. Định hướng phát triển.

4.1 Mục tiêu:

Vận hành Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A an toàn, khai thác hiệu quả nguồn nước, nâng cao hiệu suất phát điện tạo ra giá trị sản lượng cao nhất;

Không ngừng xây dựng, nâng cao năng lực chuyên môn phục vụ cho công tác vận hành an toàn.

Đổi mới quản trị doanh nghiệp; Tối ưu hóa chi phí; Ổn định và phát triển mạnh mẽ các nguồn lực để nâng cao hiệu quả SXKD.

Đảm bảo ổn định việc làm và đời sống cho người lao động.

4.2 Chiến lược trung và dài hạn:

Quản lý và vận hành nhà máy thủy điện đảm bảo ổn định, liên tục, an toàn và tin cậy.

Phát huy mọi nguồn lực có sẵn để duy trì sự ổn định và nâng cao năng lực sản xuất.

Nghiên cứu mở rộng quy mô, đầu tư phát triển ngành nghề kinh doanh đặc biệt có thể mạnh là đầu tư và xây dựng các dự án điện.

4.3 Mục tiêu phát triển bền vững

BDHC luôn hướng đến sự phát triển bền vững, hướng đến một công ty uy tín về đầu tư, quản lý, thực hiện các dự án nguồn điện; Các dịch vụ đào tạo phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy thủy điện. Sự phát triển Công ty luôn gắn liền với việc bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro

✔ Rủi ro pháp luật, rủi ro chính sách

BDHC là công ty đại chúng, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thủy điện nên quá trình sản xuất kinh doanh bị chi phối bởi rất nhiều văn bản pháp luật từ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các luật thuế ... đến nhiều bộ luật chuyên ngành như Luật điện lực, Luật thủy lợi, Luật khí tượng thủy văn, Luật tài nguyên nước... Công ty luôn phải đối mặt với rủi ro pháp lý phát sinh trong quá trình tuân thủ các thay đổi quy định của pháp luật.

Mặt khác, các cơ quan quản lý luôn điều chỉnh chính sách nhằm phù hợp với sự vận động của xã hội. Việc điều chỉnh chính sách về giá phát điện, tham gia thị trường điện cạnh tranh, chính sách về tài chính tín dụng... khiến Công ty có thể gặp các rủi ro như giảm giá bán điện, tăng lãi suất vay vốn dẫn đến sụt giảm kết quả SXKD.

BDHC cần thường xuyên cập nhật thông tin, thiết lập hành lang pháp lý chặt chẽ và khoa học để tránh vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và hình ảnh của Công ty.

✔ Rủi ro thời tiết

Điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng nhất đến Công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện.

Với đặc thù công trình không có hồ điều tiết, Công ty không chủ động được trong công tác vận hành sản xuất theo kế hoạch đề ra do phụ thuộc hoàn toàn vào lưu lượng nước về từ các hồ thủy điện bậc trên và nguồn nước này lệ thuộc hoàn toàn vào điều kiện thiên nhiên.

Ngoài ra các thiên tai khác như mưa lớn có thể gây thiệt hại sự cố trong phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

✔ **Rủi ro vận hành**

Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A trải qua hơn 10 năm vận hành, nhiều thiết bị đã có hiện tượng xuống cấp, hỏng hóc. Mặt khác, với sự thay đổi cơ cấu nguồn phát lên lưới điện nên với thời gian khởi động nhanh, nhà máy phải lên xuống máy thường xuyên để đáp ứng tần số lưới. Đây cũng là nguyên nhân làm tăng nguy cơ hỏng hóc các thiết bị, xảy ra các sự cố khách quan trong quá trình vận hành.

Để hạn chế được điều này, Công ty đã xây dựng các biện pháp quản lý kỹ thuật như lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị định kỳ thường xuyên, chuẩn bị thiết bị dự phòng nhằm đảm bảo công việc diễn ra liên tục, không bị gián đoạn.

✔ **Rủi ro an toàn lao động**

Thủy điện là ngành nghề có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của BLĐTBXH. Vì vậy, vấn đề an toàn lao động là yếu tố cần được quan tâm hàng đầu. Nhằm hạn chế tối đa các rủi ro này, Công ty luôn đáp ứng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; đồng thời mua sắm, trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động; xây dựng, triển khai, thực hiện tuân thủ triệt để các quy trình, tài liệu kỹ thuật an toàn trong quá trình vận hành.

✔ **Rủi ro cháy nổ**

Yếu tố rủi ro cháy nổ xảy ra ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Phòng cháy chữa cháy là vấn đề được Công ty quan tâm, chú trọng.

Hàng năm, Công ty thường tổ chức các buổi tập huấn về an toàn cháy nổ cho nhiều đối tượng khác nhau để nâng cao kiến thức cũng như tinh thần cảnh giác với các tình huống hỏa hoạn có thể xảy ra.

Ngoài ra Công ty ký Hợp đồng Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mọi rủi ro tài sản theo quy định nhằm hạn chế rủi ro khi sự kiện không may xảy ra.

Bên cạnh những rủi ro đã đề cập ở trên, còn có nhiều yếu tố rủi ro xảy ra mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hỏa hoạn, cháy nổ, động đất. Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của đơn vị. Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó kịp thời cũng như tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch và mở các lớp huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân lao động nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.

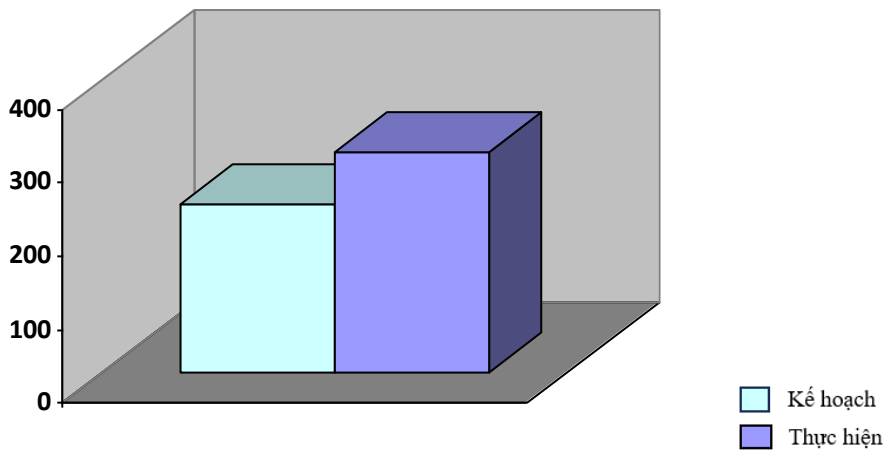
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

II. Tình hình hoạt động năm 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Diễn biến thời tiết năm 2025 có nhiều biến động, xuất hiện mưa vừa đến mưa to trên diện rộng từ tháng 5 trở đi, mưa lũ kéo dài vào các tháng cuối năm. Điều kiện thủy văn thuận lợi cho việc huy động công suất. Điều này ảnh hưởng tích cực đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty. Tổng sản lượng phát điện năm 2025 đạt 302,16 triệu kWh, vượt 31% so với kế hoạch năm.

Sản lượng điện năm 2025 (Triệu kWh)



Với sản lượng đạt được, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	285.017,68	396.438,86	139%
2	Tổng chi phí	219.145,48	225.301,23	103%
3	Lợi nhuận trước thuế	65.872,20	171.137,62	260%
4	Lợi nhuận sau thuế	62.578,59	162.377,73	259%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng Quản trị

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu cá nhân (CP)	Số cổ phần đại diện (CP)	Ghi chú
01	Ông Vũ Thành Danh	Nguyên Chủ tịch HĐQT không điều hành	199.556	-	ĐHĐCĐ miễn nhiệm tư cách HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029 vì lý do nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/12/2025
02	Ông Vương Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT không điều hành	65.351	12.434.509	ĐHĐCĐ bầu bổ sung TV HĐQT nhiệm kỳ 2024- 2029 từ ngày 01/12/2025, Người đại diện 60% phần vốn của Công ty CP Tư vấn XD điện 4
03	Ông Hồ Nam Khánh	TV HĐQT không điều hành	1.000	8.289.673	Người đại diện 40% phần vốn của Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4
04	Ông Lê Hoàng Triều	TV HĐQT không điều hành	1.049	16.713.050	Người đại diện phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa
05	Ông Trịnh Hoàng Nhân	TV HĐQT không điều hành	-	10.027.830	Người đại diện phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
06	Ông Nguyễn Văn Luận	TV HĐQT không điều hành	6.226.922	-	Cổ đông cá nhân, ông vừa qua đời vào đầu năm 2026

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:



ÔNG VŨ THÀNH DANH
NGUYÊN CHỦ TỊCH HĐQT (Nhiệm kỳ 2024-2029)

Ngày tháng năm sinh	18/08/1964
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	78/37 Tuệ Tĩnh, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Tín dụng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Ông tham gia vào ngành điện tử năm 1988	



ÔNG VƯƠNG ANH DŨNG
CHỦ TỊCH HĐQT (Nhiệm kỳ 2024-2029)

Ngày tháng năm sinh	24/11/1971
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	144 Mê Linh, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kỹ thuật
Ông tham gia vào ngành điện tử năm 1995	



ÔNG HỒ NAM KHÁNH
THÀNH VIÊN HĐQT (Nhiệm kỳ 2024-2029)

Ngày tháng năm sinh	14/5/1980
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	6/26 Nguyễn Thiện Thuật, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Ông tham gia vào ngành điện tử năm 2003	



ÔNG LÊ HOÀNG TRIỀU
THÀNH VIÊN HĐQT (Nhiệm kỳ 2024-2029)

Ngày tháng năm sinh	12/4/1969
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	E2.1 Cư xá B, Cty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa - Khu phố Hương Giang, P. Long Hương, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hệ thống điện Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 1993	



ÔNG TRỊNH HOÀNG NHÂN
THÀNH VIÊN HĐQT (Nhiệm kỳ 2024-2029)

Ngày tháng năm sinh	28/10/1979
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 80 Đặng Tính - P. Chí Linh, TP. Hải Phòng
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Ngân hàng Thạc sĩ Quản lý kinh tế
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 2001	



ÔNG NGUYỄN VĂN LUẬN
THÀNH VIÊN HĐQT (Nhiệm kỳ 2024-2029)

Ngày tháng năm sinh	08/12/1964
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thôn Quan Độ, Văn Môn, Yên Phong, Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn	Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong công tác quản trị, kinh doanh các thiết bị ngành điện
Ông vừa qua đời vào đầu năm 2026	

2.2 Ban kiểm soát

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu cá nhân (CP)	Tỷ lệ sở hữu
01	Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban	65.441	0,10%
02	Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên	30.392	0,05%
03	Bà Trần Tuyết Loan	Thành viên	-	-

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT:



BÀ NGUYỄN THỊ THANH HOA
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT (Nhiệm kỳ 2024-2029)

Ngày tháng năm sinh	02/06/1976
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	26/12 Cao Bá Quát, P. Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế - Khoa Kế toán
Bà tham gia vào ngành điện từ năm 1999	



ÔNG PHẠM QUỐC THÁI
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (Nhiệm kỳ 2024-2029)

Ngày tháng năm sinh	19/04/1969
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khu phố Hương Tân, Phường Long Hương, TP. HCM
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế hoạch hóa kinh tế quốc dân Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 1993	



BÀ TRẦN TUYẾT LOAN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (Nhiệm kỳ 2024-2029)

Ngày tháng năm sinh	02/05/1978
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Cư xá B, Công ty CP Nhiệt Điện Bà Rịa - KP Hương Tân, Phường Long Hương, TP. HCM
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Bà tham gia vào ngành điện từ năm 2003	

2.3 Ban giám đốc:

DANH SÁCH BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)
1	Trương Hải Quang	Giám đốc	10.000	0,01
2	Phan Quang Vũ	Phó Giám đốc	4.008	0,01
3	Phạm Văn Tùng	Kế toán trưởng	2.000	0,00

LÝ LỊCH BAN GIÁM ĐỐC:



ÔNG TRƯƠNG HẢI QUANG
GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh	06/4/1982
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	09 Hoàng Văn Thụ, P. Tân An, tỉnh Đắk Lắk
Trình độ chuyên môn	- Kỹ sư điện khí hóa và cung cấp điện - Cử nhân quản trị kinh doanh
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 2006	



ÔNG PHAN QUANG VŨ
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh	16/9/1982
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	235/20, Mai Hắc Đế, TDP 9 - P. Buôn Ma Thuật - Đắk Lắk
Trình độ chuyên môn	- Kỹ sư Xây dựng thủy lợi – thủy điện, - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 2005	



ÔNG PHẠM VĂN TÙNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm sinh	31/8/1975
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	138/01/107 Y Wang, TDP 6, P. EaKao, Đắk Lắk
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 2009	

2.3.1 Những thay đổi trong Ban giám đốc Công ty trong năm:

Trong năm 2025, Ban giám đốc Công ty không có thay đổi nhân sự nào.

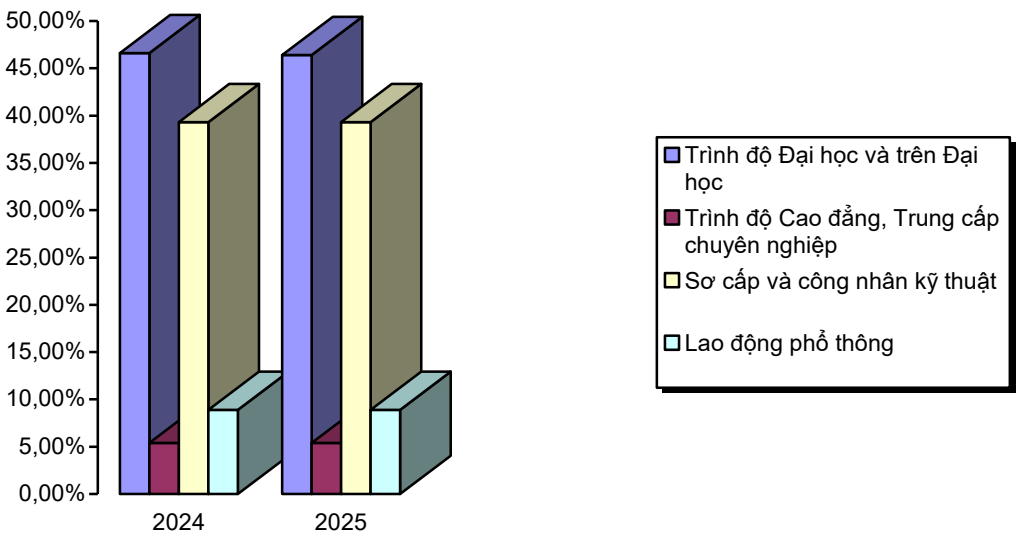
2.3.2 Cán bộ, nhân viên Công ty:

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số CBCNV Công ty năm 2025 là 56 người, giảm 2 người so với năm 2024, được phân loại như sau:

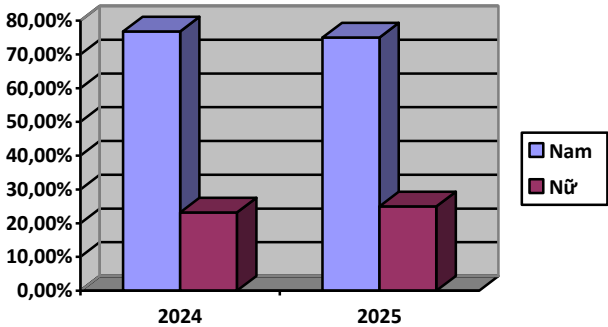
TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG

STT	Trình độ lao động	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	27	46,6%	26	46,4%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	3	5,2%	3	5,4%
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	23	39,7%	22	39,3%
4	Lao động phổ thông	5	8,6%	5	8,9%



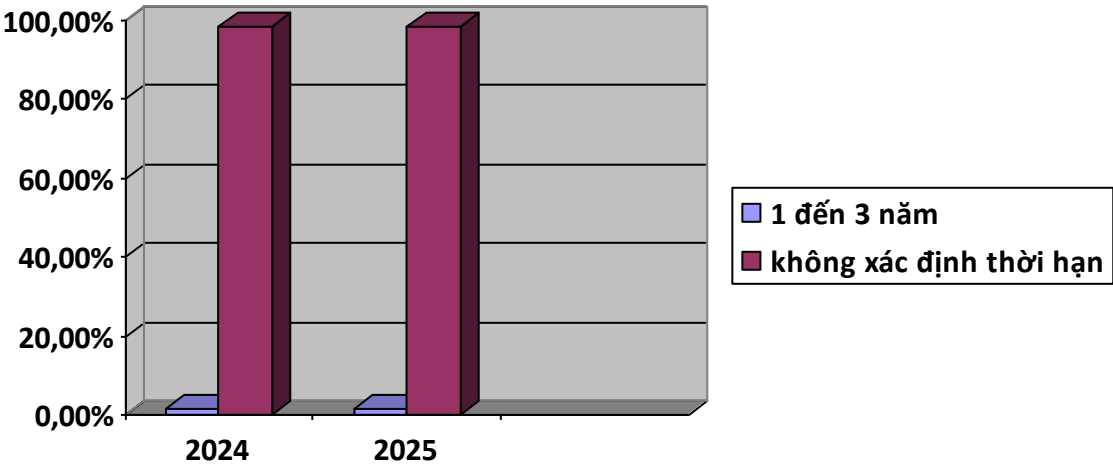
GIỚI TÍNH

STT	Giới tính	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Nam	44	75,9%	42	75,0%
2	Nữ	14	24,1%	14	25,0%



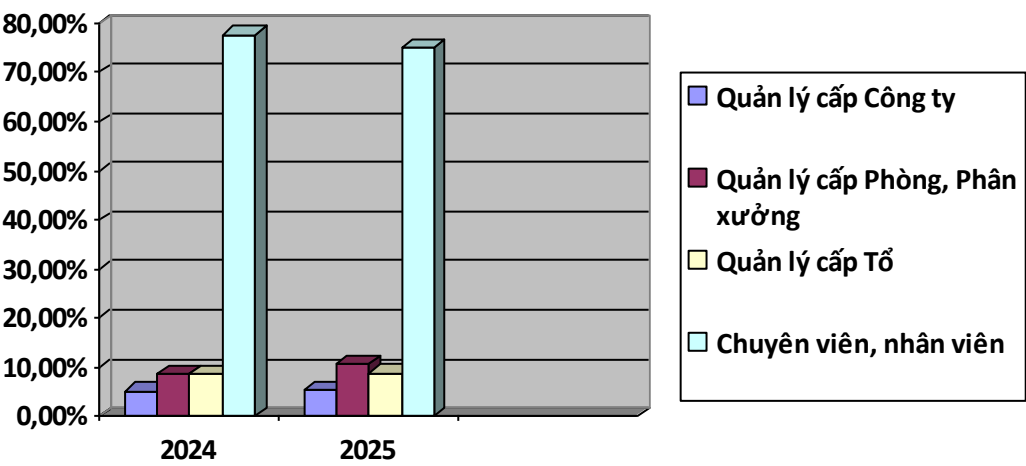
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

STT	Hợp đồng lao động	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	4	6,9%	1	1,8%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	54	93,1%	55	98,2%



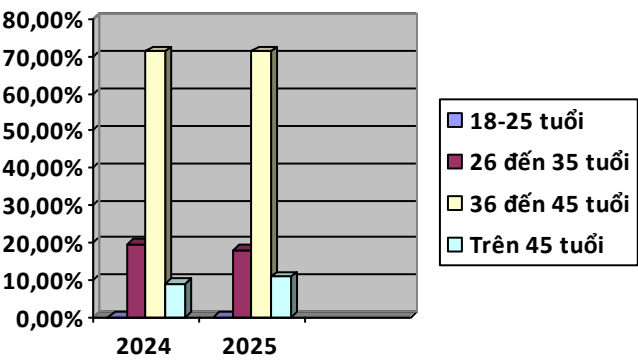
CẤP QUẢN LÝ

STT	Cấp quản lý	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Quản lý cấp Công ty	3	5,2%	3	5,4%
2	Quản lý cấp Phòng, Phân xưởng	5	8,6%	6	10,7%
3	Quản lý cấp Tổ	5	8,6%	5	8,9%
4	Chuyên viên, nhân viên	45	77,6%	42	75,0%



ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG

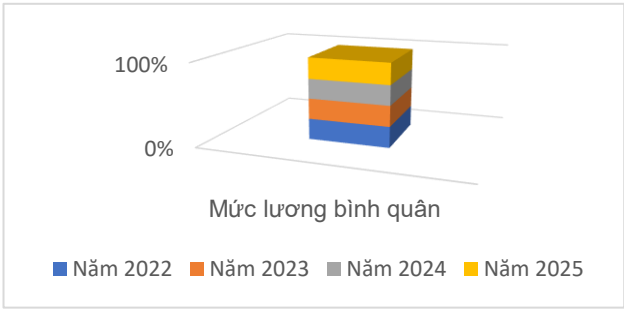
STT	Độ tuổi lao động	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	18 - 25	0	0,0%	0	0,0%
2	26 - 35	12	20,7%	10	17,9%
3	36 - 45	40	69,0%	40	71,4%
4	> 45	6	10,3%	6	10,7%



- **Mức lương bình quân**

ĐVT: Triệu đồng/người/tháng

Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
12,2	12,0	11,5	12,3



2.3.3 Chính sách nhân sự

Luôn cam kết và thực hiện các quyền lợi chính đáng cho Người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn phí, ...

Luôn tạo điều kiện người lao động được phát triển năng lực phù hợp với bản thân, đáp ứng được các mục tiêu chiến lược phát triển của Công ty thông qua các hình thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, tham gia các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn, lý luận chính trị, quản lý và tham gia các lớp tập huấn về An toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, ...

Chế độ lương, thưởng được xây dựng minh bạch, rõ ràng và hợp lý, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Đồng thời, có chính sách khen thưởng xứng đáng và kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có

b. Các Công ty liên kết:

- **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4 (PECC4)**

Tình hình hoạt động:

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán)



DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	So sánh với năm 2024 (%)
1	Tổng tài sản	374.528.673.573	429.226.748.562	115%
2	Doanh thu thuần	207.053.172.796	278.973.306.275	135%
3	Giá vốn bán hàng	154.898.832.908	217.190.851.970	140%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	23.252.783.867	34.886.939.066	150%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	41.155.765.452	50.306.385.506	122%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34.251.358.303	46.363.007.865	135%
7	Lợi nhuận khác	(743.458.303)	(688.309.274)	93%
8	Lợi nhuận trước thuế	33.507.900.000	45.674.698.591	136%
9	Lợi nhuận sau thuế	30.684.748.003	42.718.602.684	139%

• CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA (BTP)

Tình hình hoạt động:

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán)



DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	So sánh với năm 2024 (%)
1	Tổng tài sản	1.271.614.713.384	1.218.678.652.142	96%
2	Doanh thu thuần	357.406.763.322	263.278.406.910	74%
3	Giá vốn bán hàng	343.887.575.072	216.162.103.773	63%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	74.353.344.239	48.382.570.082	65%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	43.923.289.591	49.370.919.099	112%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43.949.242.898	46.127.954.120	105%
7	Lợi nhuận khác	(1.132.656.820)	(1.928.324.521)	170%
8	Lợi nhuận trước thuế	42.816.586.078	44.199.629.599	103%
9	Lợi nhuận sau thuế	42.816.586.078	42.570.802.456	99%

• **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT
ĐIỆN PHẢ LẠI (PPC)**

Tình hình hoạt động:

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm
2025 đã được kiểm toán)



DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	So sánh với năm 2024 (%)
1	Tổng tài sản	5.533.688.169.131	5.246.604.575.370	95%
2	Doanh thu thuần	7.681.064.352.700	6.565.825.977.006	85%
3	Giá vốn bán hàng	7.453.083.514.206	6.312.930.648.665	85%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	326.675.392.336	46.447.348.298	14%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	143.319.527.761	105.203.679.158	73%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	411.336.703.069	194.138.997.481	47%
7	Lợi nhuận khác	26.803.297.083	990.343.409	4%
8	Lợi nhuận trước thuế	438.140.000.152	195.129.340.890	45%
9	Lợi nhuận sau thuế	427.065.519.869	165.179.498.132	39%

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.276.003.968.031	1.247.828.985.802	98%
Doanh thu thuần	296.141.935.115	367.175.113.078	124%
Doanh thu hoạt động tài chính	4.537.484.392	28.902.336.984	637%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	75.216.276.737	170.786.217.712	227%
Thu nhập khác		361.405.860	
Lợi nhuận trước thuế	75.091.581.592	171.137.623.572	228%
Lợi nhuận sau thuế	70.312.807.346	162.377.731.580	231%
Cổ tức:	100.276.462.500	Kế hoạch: 15%	
Trong đó: Cổ tức bằng tiền mặt (15%)	100.276.462.500		

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2024	31/12/2025
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,39	1,93
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,40	1,95
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,41	0,29
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,29	0,23
<i>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	23,74	44,22
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,76	16,80
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,51	13,01

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu niêm yết	66.850.975 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.850.975 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	50.807.671 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng	16.043.304 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông:

Dữ liệu thống kê về cổ đông lấy theo danh sách của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) số VNDVCAVSDDB010335/VSDBSAXX ngày 06/01/2026 tại ngày đăng ký cuối cùng 31/12/2025.

- Cơ cấu theo loại hình:

Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nước ngoài	-	-	-
Tổ chức	-	-	-
Cá nhân	-	-	-
Trong nước	468	66.850.975	100
Tổ chức	4	50.807.671	76
Cá nhân	464	16.043.304	24
Tổng cộng:	468	66.850.975	100

- Cơ cấu theo tỷ lệ sở hữu nắm giữ 5% trở lên:

Tên cổ đông	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Quốc tịch	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4	4200385474	Cấp lần đầu ngày 01/8/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 26/6/2023	Việt Nam	20.724.182	31
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	3500701305	Cấp lần đầu ngày 01/11/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03/7/2019	Việt Nam	16.713.050	25
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	0800296853	Cấp lần đầu ngày 10/5/2013; đăng ký thay đổi ngày 27/6/2022	Việt Nam	10.027.830	15
Nguyễn Văn Luận	027064002420	18/12/2024	Việt Nam	6.226.922	9,31
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	0300420157	Cấp lần đầu ngày 29/10/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 07/8/2025	Việt Nam	3.342.609	5

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2025 không thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu. Tổng số cổ phiếu đến ngày 31/12/2025 là 66.850.975 cổ phiếu.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Tác động lên môi trường

Thủy điện là nguồn năng lượng sạch và tái tạo, mang lại tiềm năng đáng kể trong việc giảm phát thải carbon, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng.

Hướng tới tăng trưởng xanh và phát triển sản xuất bền vững, Công ty luôn ý thức được trách nhiệm bảo vệ môi trường thông qua các hành động thiết thực: hàng năm thực hiện đúng công tác giám sát môi trường định kỳ và đột xuất, báo cáo kết quả giám sát đến các cơ quan liên quan theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện duy tu cảnh quan, cải tạo làm sạch môi trường tại khu vực nhà máy; không ngừng cải tiến hoạt động sản xuất để giảm thiểu tối đa phát thải ra môi trường; chỉ đạo các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch hành động cụ thể về việc bảo vệ thiên nhiên, môi trường sinh thái như trồng cây phủ xanh khu vực nhà máy, giữ gìn vệ sinh chung ...

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A sử dụng nguồn nước để phát điện, không sử dụng các nguồn nguyên vật liệu khác.

- b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A không sử dụng nguyên vật liệu tái chế.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 167.699 kWh.
 - Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: 5.416.975 kWh.
- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

6.4 Tiêu thụ nước

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A sử dụng trực tiếp nguồn nước từ kênh xả của nhà máy thủy điện Srêpôk 4 để phát điện. Lưu lượng phát điện lớn nhất qua nhà máy là: 492 m³/s.
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A không sử dụng nước tái chế.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trong năm, Công ty không có trường hợp nào bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong toàn Công ty. Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường mà nhiều năm qua Công ty luôn đảm bảo an toàn trong sản xuất, giữ gìn cảnh quan sạch đẹp tại khu vực nhà máy và văn phòng làm việc.



6.6 Chính sách liên quan Người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số người lao động: 56 người.
- Mức tiền lương bình quân: 12,3 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của Người lao động:

➤ Các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động tại Công ty:

Thực hiện che chắn, cảnh báo các khu vực nguy hiểm, lắp thông gió cho các khu vực làm việc ở môi trường nhiệt độ cao, chiếu sáng đầy đủ ở các khu vực làm việc, ưu tiên sử dụng ánh sáng tự nhiên.

Kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị nghiêm ngặt theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất và kế hoạch trung tu, tiểu tu định kỳ hàng năm của Công ty đề ra.

Bố trí tủ thuốc y tế nơi làm việc để chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho người lao động, trang bị vật tư, thiết bị y tế, khẩu trang nhằm đảm bảo tốt cho sức khỏe Người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp cho toàn bộ Người lao động trong Công ty.

➤ Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân:

Cung cấp trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động. Tùy từng vị trí, bộ phận công việc đảm nhận, người lao động được cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp để giúp người lao động giảm thiểu tối đa những rủi ro do điều kiện và môi trường làm việc mang lại như: nóng, ồn, bụi, hơi khí độc, các điều kiện lao động nguy hiểm khác... Người lao động khi được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, bắt buộc phải sử dụng đúng quy định khi làm việc.

➤ Công tác tổ chức làm việc an toàn:

Tổ chức tốt mạng lưới an toàn vệ sinh viên của Công ty.

Thực hiện thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý.

Án định thời gian làm việc và thực hiện quy định về việc bố trí ca kíp tại nhà máy.

➤ Các chế độ khác:

Ngoài các chế độ nói trên, hàng năm Công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức các hoạt động có ý nghĩa như: thăm hỏi, hiếu hỷ, hỗ trợ vay vốn quỹ phúc lợi cho NLĐ có hoàn cảnh khó khăn; Tặng quà cho các cháu là con của NLĐ nhân dịp Tết Trung thu, Ngày quốc tế thiếu nhi; Tặng quà cho NLĐ nhân dịp tết nguyên đán,

Bên cạnh đó, đời sống văn hóa tinh thần của NLĐ cũng được Ban lãnh đạo, BCH Công đoàn quan tâm. Với mục tiêu xây dựng, phát triển các hoạt động, phong trào TĐTT, văn hóa văn nghệ, rèn luyện sức khỏe, và tăng cường giao lưu, gắn kết của các đoàn viên trong Công ty, đồng thời tạo ra một sân chơi lành mạnh, tái tạo năng lượng tích cực cho người lao động. Các hoạt động mang đậm tinh thần “Kết nối NLĐ, xây dựng tổ chức”.



c. Hoạt động đào tạo, tập huấn cho Người lao động:

Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch và dành kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động; đồng thời tuân thủ quy định của pháp luật.

Cụ thể:

- Tổ chức an toàn vệ sinh lao động: 2 năm/lần, huấn luyện phòng cháy chữa cháy: 2 năm/lần, huấn luyện dân quân tự vệ: 1 năm/lần.
- Tiến hành diễn tập các tình huống xử lý sự cố theo kế hoạch đề ra để nâng cao tay nghề vận hành và xử lý sự cố cho toàn bộ Trưởng ca và Điều hành viên nhà máy.
- Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ theo chương trình tập huấn của các sở ban ngành nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động.

Một số hình ảnh hoạt động đào tạo, tập huấn cho NLD:



6.7 Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động xã hội, từ thiện luôn được Ban giám đốc và Người lao động hưởng ứng, tham gia tích cực, đem lại nhiều tình cảm, niềm tin với chính quyền và nhân dân địa phương. Một số hoạt động chính nổi bật trong năm 2025:



Trung thu với
trẻ em nghèo
thôn kết nghĩa



Tặng quà tết cho bà con nghèo
có hoàn cảnh khó khăn

Hỗ trợ bà con
bị thiệt hại do lũ gây ra



6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với tinh thần đoàn kết, không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng các giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào sản xuất, cùng sự định hướng, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đã có một năm hoạt động hiệu quả, vận hành an toàn, tin cậy. Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2025. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính về tình hình hoạt động SXKD năm 2025 như sau:

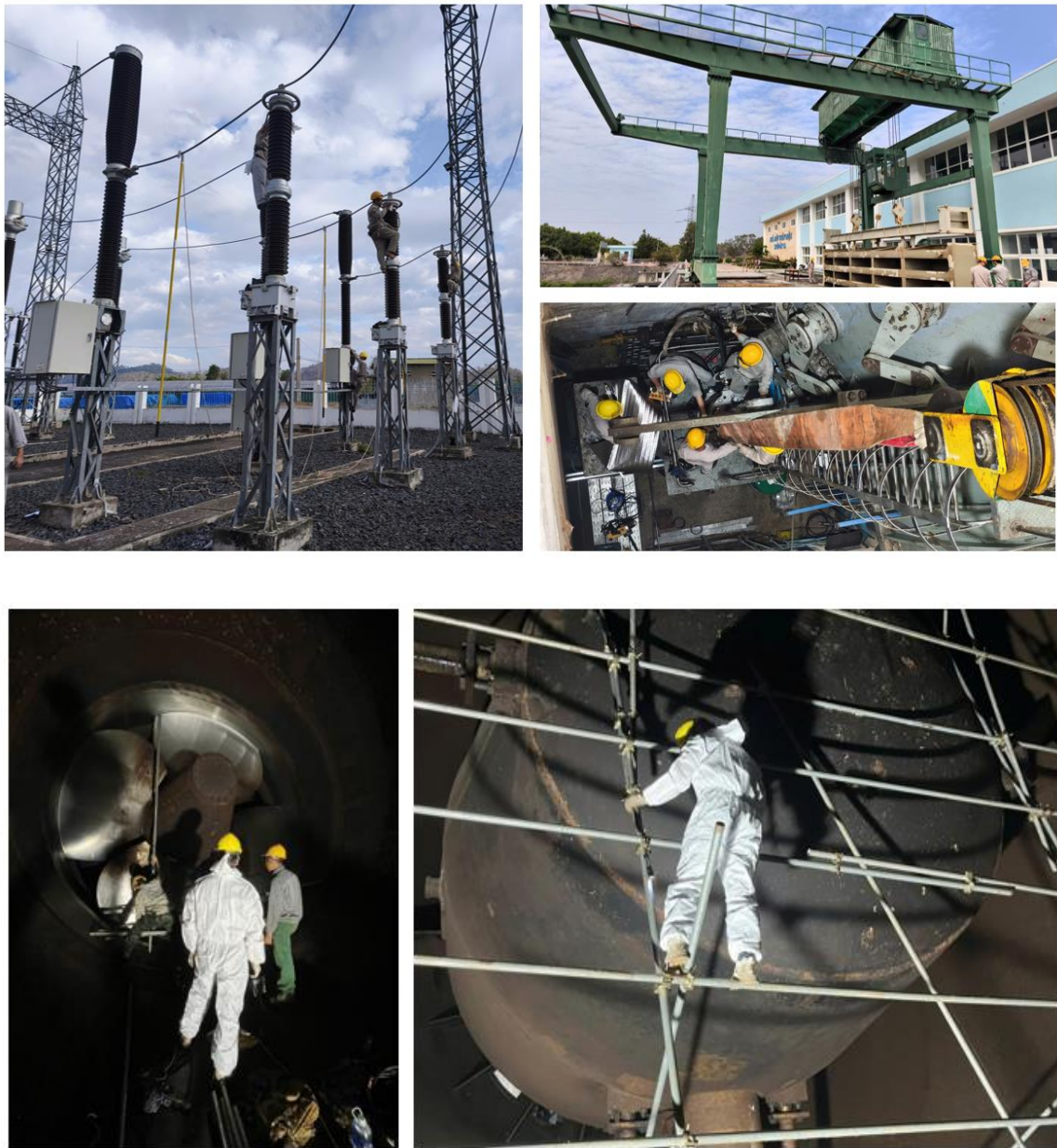
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ
1	Điện năng thương mại	Triệu kWh	230,00	302,16	131%
2	Doanh thu	Triệu đồng	285.018	396.439	139%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	65.872	171.138	260%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	62.579	162.378	259%

2. Đánh giá công tác vận hành Nhà máy:

Trong năm qua, để vận hành nhà máy tối ưu Công ty đã phối hợp với các đơn vị phát điện trên dòng sông không để xảy ra tình trạng xả nước thừa.

Ngoài ra, Công ty thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình, máy móc thiết bị, phát hiện và khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo lịch sản xuất theo đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ sửa chữa lớn phù hợp với kế hoạch đã đăng ký với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia và Trung tâm điều

độ hệ thống điện Miền Trung. Đến thời điểm hiện tại các tổ máy, thiết bị hoạt động ổn định sẵn sàng đáp ứng công suất khi được huy động.



3. Tình hình tài chính

a. Tài sản

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu tài sản	31/12/2024	31/12/2025	Thay đổi	% thay đổi
I	Tài sản ngắn hạn	392.682.169.504	481.314.059.374	88.631.889.870	22,57%
II	Tài sản dài hạn	883.321.798.527	766.514.926.428	(116.806.872.099)	(13,22%)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.276.003.968.031	1.247.828.985.802	(28.174.982.229)	(2,21%)

b. Nguồn vốn

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu nguồn vốn	31/12/2024	31/12/2025	Thay đổi	% thay đổi
A	NỢ PHẢI TRẢ	369.661.070.001	281.029.510.802	(88.631.559.199)	(23,98%)
1	Nợ ngắn hạn	280.682.070.477	247.454.510.802	(33.227.559.675)	(11,84%)
2	Nợ dài hạn	88.978.999.524	33.575.000.000	(55.403.999.524)	(62,27%)
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	906.342.898.030	966.799.475.000	60.456.576.970	6,67%
1	Vốn chủ sở hữu	906.342.898.030	966.799.475.000	60.456.576.970	6,67%
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.276.003.968.031	1.247.828.985.802	(28.174.982.229)	(2,21%)

Tổng nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2025 giảm so với 31/12/2024 là **28,17** tỷ đồng, trong đó nợ phải trả giảm 88,6 tỷ đồng, tương đương 23,98%, nguyên nhân chủ yếu là do trả nợ vay. Vốn chủ sở hữu tăng 60,4 tỷ đồng, tương đương 6,67% nguyên nhân là do lợi nhuận trong năm tăng.

c. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Thực hiện các chính sách phù hợp, ổn định nguồn nhân lực: Phân phối tiền lương, tiền thưởng dựa trên các tiêu chí đánh giá về năng lực và hiệu quả công việc; Khuyến khích động viên tinh thần lao động tích cực, sáng tạo cho cán bộ, người lao động tham gia sản xuất vận hành, tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, thực hiện tốt các chính sách thi đua khen thưởng kịp thời...

Thực hiện rà soát lại bộ máy nhân sự, các chức danh quản lý của Công ty, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ, công nhân viên nhằm lựa chọn đúng người vào đúng vị trí để NLĐ phát huy được hết khả năng của mình, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và tạo tiền đề cho những năm tiếp theo.

Nâng cao chất lượng hoạt động của công nghệ thông tin, bảo mật và an toàn thông tin.

Luôn quan tâm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động: Năm vừa qua, Công ty đã xây dựng trụ sở làm việc mới, đảm bảo diện tích cần thiết, môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp cho CBCNV.

Thường xuyên bổ sung, thay thế các trang, thiết bị phòng làm việc; Kiểm tra, mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ công tác sản xuất.



Thường xuyên tổ chức họp điều hành kế hoạch sản xuất hàng tháng đảm bảo sự chỉ đạo kịp thời và hiệu quả.

Thực hiện đầy mạnh công tác quản trị tài chính. Đến cuối năm, các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty đạt kế hoạch do ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Qua kiểm toán, Báo cáo tài chính của Công ty được đánh giá phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực và các quy định pháp lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dựa trên cơ sở các tình hình thực tế của Công ty, mục tiêu phấn đấu chung của Công ty, Công ty đặt ra những mục tiêu và nhiệm vụ cho từng hoạt động của Công ty năm 2026 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	GIÁ TRỊ
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	230
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	172.860,29
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	46.027,39
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	43.726,02
5	Cổ tức dự kiến	%	8

*** Biện pháp để hoàn thành kế hoạch:**

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh điện, đảm bảo kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và quỹ tiền lương cho người lao động, Công ty cần đẩy mạnh công tác tối ưu hóa chi phí, nâng cao chất lượng vận hành, quản trị nguồn nhân lực và tài chính hợp lý, tăng hiệu quả sử dụng vốn. Cụ thể:

Về vận hành: Nâng cao trình độ, kỹ năng của nhân viên vận hành bằng việc thường xuyên tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập xử lý sự cố trong công tác vận hành nhằm đảm bảo vận hành các tổ máy đạt hiệu quả cao nhất; phát huy phong trào thi đua “Ca vận hành an toàn kinh tế”.

Về sửa chữa: Sắp xếp nguồn lực để rút ngắn tiến độ các công trình sửa chữa nhằm sớm đưa thiết bị vào vận hành, tăng sản lượng điện sản xuất, đồng thời phát huy tinh thần tiết kiệm trong công tác SCL nhưng vẫn đảm bảo kỹ thuật và tiến độ.

Về mua sắm vật tư: Tổ chức mua sắm vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ sửa chữa, sản xuất đảm bảo chất lượng, giá hợp lý.

Về công tác nhân sự: Quản lý, sắp xếp, bố trí và sử dụng lao động hợp lý nhằm tăng hiệu quả làm việc. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; công tác kỹ thuật an toàn – vệ sinh lao động – PCCN phải được coi trọng và thực hiện thường xuyên. Giám sát chặt chẽ, kịp thời chấn chỉnh và khắc phục nhằm đảm bảo an toàn lao động cao nhất, không để xảy ra tai nạn lao động. Phát động và thực hiện công tác thi đua khen thưởng với nội dung thi đua sâu sắc, thực tế. Thực hiện tốt phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí cho Công ty; tặng thưởng xứng đáng, kịp thời cho những sáng kiến có giá trị làm lợi lớn, ứng dụng rộng rãi.

Về công tác tài chính: Tăng cường kiểm soát dòng tiền, kiểm soát chi phí. Theo dõi đầy nhanh công tác thu hồi công nợ, kiểm soát vật tư thiết bị tồn kho, giảm thiểu vật tư thiết bị dự phòng và duy trì ở mức hợp lý.

Thực hành tiết kiệm: Toàn thể NLĐ cần đẩy mạnh việc thực hiện tiết kiệm trong mọi hoạt động, thực hiện nghiêm túc, tự giác các nội dung trong Quy chế Chi tiêu nội bộ của Công ty.

Cơ hội đầu tư: Lãnh đạo Công ty tiếp tục tìm kiếm thêm cơ hội để đầu tư và sử dụng hiệu quả hơn nữa nguồn vốn của Công ty nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn. Vì vậy, Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

6. Trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải, ...):

Tiêu thụ nước: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A sử dụng trực tiếp nguồn nước từ kênh xả của nhà máy thủy điện Srêpôk 4 để phát điện. Lưu lượng phát điện lớn nhất qua nhà máy là: 492 m³/s. Lượng nước sau khi phát điện được trả lại sông Srêpôk.

Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ tiêu thụ trực tiếp: 167.699 kWh, năng lượng tiêu thụ gián tiếp: 5.416.975 kWh.

Phát thải: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A sử dụng nguồn nước để phát điện nên không phát sinh khí thải trong quá trình vận hành.

Chất thải nguy hại: Hàng năm nhà máy đều tiến hành thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

Giám sát môi trường: Nhà máy thực hiện công tác báo cáo giám sát môi trường định kỳ 1 lần/ năm theo đúng các quy định hiện hành.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố trọng tâm để phát triển Công ty, công tác phát triển nâng cao đội ngũ nguồn nhân lực luôn được Công ty quan tâm. Cụ thể:

Luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội đối với người lao động theo các quy định của Nhà nước, thông qua việc tham gia 100% BHXH, BHYT, BHTN cho Người lao động theo đúng quy định;

Luôn chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc đoàn kết, thân thiện với trang thiết bị đầy đủ, khuyến khích tạo điều kiện cho NLĐ phát huy hết khả năng sáng tạo, năng lực chuyên môn trong công việc, mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Luôn đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm ngặt công tác an toàn sức khỏe môi trường thông qua việc cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, thực hiện các chương trình đào tạo, huấn luyện, diễn tập các chương trình phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh viên...;

Tổ chức các chương trình du lịch, nghỉ dưỡng giúp tái tạo sức lao động cho tập thể CBCNV Công ty.

c. Trách nhiệm của doanh nghiệp gắn với cộng đồng:

Các hoạt động xã hội, từ thiện tại địa phương luôn được Lãnh đạo Công ty và Người lao động hưởng ứng, tham gia tích cực. Công ty luôn đồng hành cùng với chính quyền địa phương trên địa bàn các xã - nơi Nhà máy đóng chân trong mọi hoạt động. Các công tác xã hội được trích từ quỹ phúc lợi Công ty và quyên góp từ Người lao động của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2025 Ban giám đốc Công ty đã tiếp tục tăng cường kỷ cương, chỉ đạo quyết liệt có trọng tâm, linh hoạt và bám sát nhiệm vụ chính để thực hiện nhiệm vụ SXKD theo các chỉ tiêu ĐHĐCĐ và HĐQT giao, mang lại hiệu quả và lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đạt được. HĐQT đánh giá cao các hoạt động của Công ty trong năm qua.

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo với nhiều chương trình, hoạt động ý nghĩa mang tính nhân văn, đem lại nhiều tình cảm, niềm tin với chính quyền và nhân dân địa phương.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Đánh giá chung, Ban giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Công ty; tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD của Công ty theo nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT. Trong quá trình triển khai Ban giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình SXKD cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty để HĐQT có ý kiến chỉ đạo kịp thời.



Năm 2025 Ban giám đốc tổ chức điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt, cụ thể là:

- Ban giám đốc đã xây dựng các giải pháp nhằm phát triển Công ty ổn định và bền vững. Trên cơ sở đó điều hành công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được thông qua trong ĐHĐCĐ năm 2025.
- Tổ chức thực hiện tốt quy chế quản trị Công ty và quy chế quản lý tài chính, tăng cường giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty.
- củng cố, sắp xếp nhân sự hợp lý, chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng CBCNV nhằm tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với giấy phép kinh doanh và đúng pháp luật.

- Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty.

Nhằm phát huy những thành tích đã đạt được, Công ty cần phải nỗ lực hơn nữa trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo gia tăng giá trị cho Công ty, lợi ích của các Cổ đông và Người lao động.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

3.1 Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026

Chỉ đạo Ban giám đốc xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban giám đốc và bộ máy giúp việc Công ty.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực hiện các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3.2 Định hướng mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2026

a. Mục tiêu:

Vận hành nhà máy thủy điện Srêpôk 4A an toàn, khai thác hiệu quả nguồn nước, nâng cao hiệu suất phát điện tạo ra giá trị sản lượng cao nhất;

Đổi mới quản trị doanh nghiệp; Tối ưu hóa chi phí; Ổn định và phát triển mạnh mẽ các nguồn lực để nâng cao hiệu quả SXKD.

Đảm bảo ổn định việc làm và đời sống cho người lao động.

b. Nhiệm vụ kế hoạch:

Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Đảm bảo an toàn trong vận hành – bảo dưỡng thiết bị, không để xảy ra bất kỳ sự cố nào ảnh hưởng đến con người và thiết bị.

Hoàn thành kế hoạch sản xuất điện, phối hợp với Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia (NSMO) khai thác có hiệu quả nguồn nước.

Tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và các nguồn lực trong Công ty. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV trong Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
01	Ông Vũ Thành Danh	Nguyên Chủ tịch HĐQT không điều hành	Đã miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2024-2029 vì lý do nghỉ hưu theo chế độ
02	Ông Vương Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT không điều hành	Người đại diện 60% phần vốn của Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4
03	Ông Hồ Nam Khánh	Thành viên HĐQT không điều hành	Người đại diện 40% phần vốn của Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4
04	Ông Lê Hoàng Triều	Thành viên HĐQT không điều hành	Người đại diện phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa
05	Ông Trịnh Hoàng Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành	Người đại diện phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
06	Ông Nguyễn Văn Luận	Thành viên HĐQT không điều hành	Cổ đông cá nhân, vừa qua đời vào đầu năm 2026

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty. Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2025, ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 và các cuộc họp định kỳ hàng quý hoặc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình của Công ty, đề ra Quyết định, kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tế.

Các Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua với tất cả thành viên đồng ý. Đảm bảo các quy định về những quyền lợi kinh tế thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động SXKD theo Kế hoạch cả năm 2025; Giám sát việc thực hiện mục tiêu của Ban giám đốc, đồng thời có các chỉ đạo, quyết

định liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và của HĐQT Công ty.

Trong các phiên họp và hoạt động của HĐQT, các thành viên tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và luôn đạt sự nhất trí cao; Các quyết nghị của HĐQT tuân thủ các quy định điều lệ, quy chế Công ty và pháp luật có liên quan trên cơ sở lợi ích của cổ đông và sự phát triển Công ty.



Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT trong năm 2025 như sau:

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Nội dung	Ngày phê duyet	Hình thức	Tình hình thực hiện
01	03/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết vv triển khai các bước tiếp theo để bổ sung dự án Nhà máy điện mặt trời Buôn Đôn vào Quy hoạch phát triển điện VIII điều chỉnh	28/02/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
02	04/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết vv kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	28/02/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
03	05/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết vv phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại đối với chức vụ Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	28/02/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
04	07/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết phiên họp ngày 08/03/2025 vv thông qua Báo cáo số 67/BC-BDHC về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025	08/03/2025	Họp	Đã hoàn thành
05	09/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết vv phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương, tiền thưởng KPI và các chế độ cho CBCNV thực hiện năm 2024	08/03/2025	Họp	Đã hoàn thành
06	10/QĐ-HĐQT- BDHC	Quyết định vv thành lập Ban tổ chức và các Ban phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	08/03/2025	Họp	Đã hoàn thành
07	11/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết phiên họp ngày 08/03/2025 vv thông qua báo cáo của BDH về rủi ro khi dự án thủy điện EAPO được đưa vào quy hoạch	08/03/2025	Họp	Đã hoàn thành
08	14/QĐ-HĐQT- BDHC	Quyết định vv bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	08/03/2025	Họp	Đã hoàn thành

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Nội dung	Ngày phê duyet	Hình thức	Tình hình thực hiện
09	12/QĐ-HĐQT- BDHC	Quyết định vv bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	10/03/2025	Họp	Đã hoàn thành
10	18/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết vv phê duyet kinh phí phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	24/04/2025	Họp	Đã hoàn thành
11	21/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết vv điều chỉnh chính sách giá mua chứng chỉ thuộc tính môi trường đối với dự án thủy điện Srêpôk 4A	20/05/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
12	22/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết vv lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	19/06/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
13	26/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết thông qua: - Báo cáo của BDH về kết quả HĐ SXKD 06 tháng đầu năm 2025 và kế hoạch 06 tháng cuối năm 2025; - Hủy thực hiện hạng mục “Thẩm tra báo cáo đề xuất cấp phép môi trường”	24/07/2025	Họp	Đã hoàn thành
14	27/QĐ-HĐQT- BDHC	Quyết định vv phê duyet dự toán gói thầu “Mua sắm vật tư dự phòng năm 2025”	24/07/2025	Họp	Đã hoàn thành
15	28/QĐ-HĐQT- BDHC	Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Srêpôk 4A	24/07/2025	Họp	Đã hoàn thành
16	29/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết phê duyệt trình EPTC hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành dự án thủy điện Srêpôk 4A	24/07/2025	Họp	Đã hoàn thành
17	30/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết phê duyệt chủ trương vay vốn ngắn hạn của BDHC	24/07/2025	Họp	Đã hoàn thành

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Nội dung	Ngày phê duyet	Hình thức	Tình hình thực hiện
18	31/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết phê duyệt vay vốn Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Khánh Hòa	24/07/2025	Hợp	Đã hoàn thành
19	32/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết vv vay vốn ngắn hạn của BDHC tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	08/09/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
20	33/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết vv vay vốn ngắn hạn của BDHC tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	08/09/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
21	35/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết vv thông qua phương án chi trả tạm ứng cô tức bằng tiền đợt 1 năm 2024 cho cổ đông BDHC	23/09/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
22	37/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết vv phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025	16/10/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
23	38/QĐ-HĐQT- BDHC	Quyết định vv phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm vật tư dự phòng năm 2025”	20/10/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
24	39/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết v/v công tác đầu thầu, lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng cho gói thầu “Mua sắm vật tư dự phòng năm 2025”	20/10/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
25	42/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết vv phê duyệt các hạng mục kế hoạch năm 2026 cần triển khai, thực hiện sớm	19/11/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đang thực hiện
26	43/QĐ-HĐQT- BDHC	Quyết định vv thành lập Ban tổ chức và các Ban phục vụ ĐHĐCĐ bất thường năm 2025	21/11/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
27	44/QĐ-HĐQT- BDHC	Quyết định phê duyệt dự toán hạng mục “Mua sắm dầu thủy lực Castrol cho hệ thống điều tốc nhà máy”	24/11/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Nội dung	Ngày phê duyet	Hình thức	Tình hình thực hiện
28	45/QĐ-HĐQT- BDHC	Quyết định phê duyệt dự toán hạng mục “Mua sắm thiết bị xử lý sự cố cho nhà máy”	24/11/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
29	46/QĐ-HĐQT- BDHC	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm dầu thủy lực Castrol cho hệ thống điều tốc nhà máy”	26/11/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
30	47/QĐ-HĐQT- BDHC	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm thiết bị xử lý sự cố cho nhà máy”	26/11/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
31	49/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026	30/11/2025	Họp	Đang thực hiện
32	50/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết phê duyệt quỹ tiền lương, thưởng KPI và các chế độ ước thực hiện năm 2025, kế hoạch năm 2026	30/11/2025	Họp	Đang thực hiện
33	53/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết phê duyệt bổ sung quỹ tiền lương, thưởng KPI và các chế độ năm 2025	01/12/2025	Họp	Đã hoàn thành
34	57/NQ-HĐQT- BDHC	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2024	18/12/2025	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: Không có.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty hoặc tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm

- Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Ông Vũ Thành Danh	Nguyên Chủ tịch HĐQT không điều hành
02	Ông Vương Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT không điều hành
03	Ông Hồ Nam Khánh	Thành viên HĐQT không điều hành

- Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Ông Vũ Thành Danh	Nguyên Chủ tịch HĐQT không điều hành
02	Ông Vương Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT không điều hành
03	Ông Hồ Nam Khánh	Thành viên HĐQT không điều hành
04	Ông Lê Hoàng Triều	Thành viên HĐQT không điều hành
05	Ông Trịnh Hoàng Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành
06	Ông Nguyễn Văn Luận	Thành viên HĐQT không điều hành

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban
02	Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên
03	Bà Trần Tuyết Loan	Thành viên

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.

Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, ban hành, triển khai và thực hiện Nghị quyết của HĐQT.

Giám sát hoạt động điều hành của Hội đồng Quản trị; công tác điều hành của Ban giám đốc, hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty.



Rà soát việc xây dựng kế hoạch SXKD. Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn, cảnh báo sớm và kiến nghị Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc các giải pháp khắc phục.

Thẩm định các báo cáo tài chính 06 tháng và năm 2025, phân tích đánh giá tình hình tài chính của Công ty.

Tham gia các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

Theo dõi việc chấp hành các quy định đối với công ty đại chúng trên sàn chứng khoán về công bố thông tin.

Trong năm 2025, BKS đã tổ chức 03 phiên họp định kỳ để triển khai chương trình công tác và đánh giá kết quả kiểm tra giám sát. Ngoài ra, BKS cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.

Năm 2025, BKS đã hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty. Thông qua hoạt động, BKS đã đưa ra các ý kiến đồng thời kiến nghị với Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Công ty thực hiện việc chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2025, quỹ khen thưởng Ban giám đốc của BDHC theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 phê duyệt. Cụ thể như sau:

Nội dung	Số tiền
Thu nhập HĐQT và BKS	1.147.234.000
Trong đó:	
- Thu nhập của Chủ tịch HĐQT	236.766.000
- Thu nhập của Thành viên HĐQT	524.852.000
- Thu nhập của Trưởng Ban kiểm soát	139.234.000
- Thu nhập của Thành viên Ban Kiểm soát	246.382.000
Thu nhập của Giám đốc và Người quản lý Công ty	2.727.170.370
Trong đó:	
- Thu nhập của Giám đốc	906.096.129
- Thu nhập của Người quản lý Công ty	1.821.074.241

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (tại ngày chốt 21/3/2025)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2025)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)	Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
1	Vương Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT, Người nội bộ của Công ty (từ ngày 01/12/202)	34.351	0,05%	65.351	0,10%	Giao dịch mua CP	Giao dịch mua CP trước khi trở thành Người nội bộ của Công ty (Giao dịch trước ngày 01/12/2025)
2	Ông Nguyễn Văn Luận	Thành viên HĐQT, Người nội bộ của Công ty	6.224.922	9,31%	6.226.922	9,31%	Giao dịch mua, bán CP	
3	Ông Lê Hoàng Triều	Thành viên HĐQT, Người nội bộ của Công ty	349	0,00%	1.049	0,00%	Giao dịch mua CP	
4	Ông Hồ Nam Khánh	Thành viên HĐQT, Người nội bộ của Công ty	500	0,00%	1.000	0,00%	Giao dịch mua CP	
5	Ông Trương Hải Quang	Giám đốc Công ty, Người nội bộ của Công ty	5.000	0,01%	10.000	0,01%	Giao dịch mua CP	
6	Ông Phan Quang Vũ	Phó Giám đốc Công ty, Người nội bộ của Công ty	2.008	0,00%	4.008	0,01%	Giao dịch mua CP	

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

TT	Nội dung giao dịch	Công ty giao dịch	Mối quan hệ	Số hợp đồng	Giá trị thực hiện sau VAT (VND)
1	Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường - Công trình Thủy điện Srêpôk 4A	Công ty CP Tư vấn & Xây dựng điện 4	Là Người liên quan của Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	24/2024/HĐDV-BDHC-TV4-CPMT	212.634.087

Giao dịch này được thực hiện trong năm 2024 và hoàn thành vào đầu năm 2025. Trong năm 2025 không phát sinh thêm giao dịch.

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật để thông qua đó giảm thiểu và phòng tránh được các rủi ro về mặt pháp lý cho Công ty cũng như các rủi ro khác gây bất lợi cho hình ảnh, danh tiếng của Công ty.
- Công ty thường xuyên rà soát, hiệu chỉnh các quy chế quản lý nội bộ để cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty hoạt động linh hoạt, ổn định và phù hợp với các quy định hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

(Đính kèm)

1. Ý kiến kiểm toán
2. Bảng cân đối kế toán
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh báo cáo tài chính



Đắk Lắk, ngày 09 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Trương Hải Quang

Số: 1.0361/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Buồn Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Thủy điện Buồn Đơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Nguyễn Văn Kiên****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

**Nguyễn Thanh Thanh Tú****Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5933-2023-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buôn Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		481.314.059.374	392.682.169.504
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.972.141.056	70.440.053.820
1. Tiền	111		1.972.141.056	440.053.820
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.000.000.000	70.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		444.564.282.091	319.609.477.900
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	319.799.067.226	223.935.868.910
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.108.726.027	922.165.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	123.706.488.838	94.801.443.490
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(50.000.000)	(50.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.356.281.081	2.042.908.440
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3.356.281.081	2.042.908.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		421.355.146	589.729.344
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	421.355.146	589.729.344
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buon Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		766.514.926.428	883.321.798.527
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.500.000	54.700.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.500.000	54.700.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		668.375.692.138	795.735.645.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	665.014.070.718	792.283.476.562
- Nguyên giá	222		1.839.566.616.557	1.839.141.229.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.174.552.545.839)	(1.046.857.752.995)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.361.621.420	3.452.168.548
- Nguyên giá	228		3.773.470.000	3.773.470.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(411.848.580)	(321.301.452)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.567.503.215	3.095.175.212
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	14.567.503.215	3.095.175.212
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		83.568.231.075	84.436.278.205
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	73.884.893.203	76.340.230.827
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.11	9.683.337.872	8.096.047.378
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.247.828.985.802	1.276.003.968.031



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buon Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		281.029.510.802	369.661.070.001
I. Nợ ngắn hạn	310		247.454.510.802	280.682.070.477
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.375.575.649	1.376.749.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.331.014.959	2.331.014.959
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	20.174.484.110	12.224.896.752
4. Phải trả người lao động	314	V.15	6.843.877.691	3.694.728.063
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5.308.972.652	10.149.189.646
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	37.845.715.329	2.770.893.525
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	170.588.452.218	245.322.522.937
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	986.418.194	2.812.074.924
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		33.575.000.000	88.978.999.524
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	33.575.000.000	88.978.999.524
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buon Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		966.799.475.000	906.342.898.030
I. Vốn chủ sở hữu	410		966.799.475.000	906.342.898.030
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	668.509.750.000	668.509.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		668.509.750.000	668.509.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	10.824.284.000	10.824.284.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	287.465.441.000	227.008.864.030
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		125.087.709.420	227.008.864.030
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		162.377.731.580	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.247.828.985.802	1.276.003.968.031

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2026



Lê Thị Kiều Vi
Người lập



Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng



Trương Hải Quang
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	367.175.113.078	296.141.935.115
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		367.175.113.078	296.141.935.115
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	195.556.792.560	183.447.996.926
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		171.618.320.518	112.693.938.189
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	28.902.336.984	4.537.484.392
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.258.427.803	28.327.769.496
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.863.871.628	28.267.777.925
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	14.476.011.987	13.687.376.348
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		170.786.217.712	75.216.276.737
11. Thu nhập khác	31	VI.6	361.405.860	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	10.000.000	124.695.145
13. Lợi nhuận khác	40		351.405.860	(124.695.145)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		171.137.623.572	75.091.581.592
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	8.759.891.992	4.778.774.246
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		162.377.731.580	70.312.807.346
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.384	1.027
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	2.384	1.027

Lê Thị Kiều Vi
Người lậpPhạm Văn Tùng
Kế toán trưởng

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Trương Hải Quang
Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buon Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		171.137.623.572	75.091.581.592
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	127.785.339.972	127.833.768.925
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	-	(62.184)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(405.939.336)	(603.887.272)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.863.871.628	28.267.777.925
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		313.380.895.836	230.589.178.986
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(125.703.205.399)	11.939.078.544
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	(2.900.663.135)	171.019.700
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.225.981.359	(1.491.990.705)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	2.623.711.822	1.964.708.045
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	(19.495.847.274)	(33.062.664.697)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(4.814.520.031)	(2.432.453.420)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	200.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(3.670.348.840)	(3.132.659.449)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		169.846.004.338	204.544.217.004
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 9	(11.706.882.703)	(1.289.114.542)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4a, VI.3	596.566.732	435.047.546
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.110.315.971)	(854.066.996)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7 - Khách sạn Biệt Điện - Số 01 - Đường Ngô Quyền - Phường Buon Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		333.805.492.555	123.503.039.438
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(463.165.643.686)	(211.803.467.241)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, 20	(66.843.450.000)	(66.843.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(196.203.601.131)	(155.143.877.803)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(37.467.912.764)	48.546.272.205
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	70.440.053.820	21.893.719.431
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	-	62.184
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32.972.141.056	70.440.053.820

Lê Thị Kiều Vi
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng



Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Trương Hải Quang
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu trong năm nay tăng mạnh so với năm trước chủ yếu do năm trước bị ảnh hưởng bởi thời tiết khắc nghiệt, hạn hán nặng trong các tháng đầu năm. Năm nay thời tiết thuận lợi nên sản lượng điện sản xuất năm nay tăng mạnh, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận gộp tăng so với năm trước..

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 56 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 55 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản chênh lệch đánh giá lại khoản mục phải trả ngoại tệ với Ngân hàng Sumitomo Mitsui đang treo lại phải thu do Công ty xác định sẽ thu lại được của Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại (không quá 50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu chuyển nhượng tín chỉ carbon

Doanh thu chuyển nhượng tín chỉ carbon được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng tín chỉ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	77.435.397	61.396.052
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.894.705.659	378.657.768
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	31.000.000.000	70.000.000.000
Cộng	32.972.141.056	70.440.053.820

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	319.749.067.226	223.885.868.910
Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Dương	50.000.000	50.000.000
Cộng	319.799.067.226	223.935.868.910

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tianjin Shengwei Electromechanical Co., LTD	373.713.759	-
Công ty TNHH Tư vấn Nông lâm nghiệp và Dịch vụ Phương Bắc	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Sodema	-	604.765.500
Các nhà cung cấp khác	435.012.268	17.400.000
Cộng	1.108.726.027	922.165.500



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chênh lệch tỷ giá của khoản vay ngoại tệ ⁽ⁱ⁾	122.043.808.180	-	94.325.348.292	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	13.849.316	-	204.476.712	-
Tạm ứng	12.051.251	-	9.000.000	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	50.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	1.586.780.091	-	262.618.486	-
Cộng	123.706.488.838	-	94.801.443.490	-

- ⁽ⁱ⁾ Theo quy định tại Thông tư 57/2020/TT-BCT ngày 31/12/2020 của Bộ Công thương về phương pháp tính giá điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện cũng như theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán điện số 05/2014/HĐ-NMĐ-Srêpôk4A ngày 29 tháng 8 năm 2016 giữa Công ty và Tập đoàn điện lực Việt Nam, Công ty sẽ được Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam thanh toán phần chênh lệch tỷ giá của các khoản vay ngoại tệ.

Công ty đã được Công ty Mua bán điện đồng ý thanh toán phần chênh lệch tỷ giá từ thời điểm phát sinh hợp đồng vay ngoại tệ đến năm 2019 (bao gồm đến hết năm 2018 và 31,7% chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm 2019). Tại thời điểm ngày 31/12/2025, phần chênh lệch tỷ giá tương ứng nợ gốc vay đã trả cho Ngân hàng là 122.043.808.180 VND đang chờ quyết toán với Bộ Công thương và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

5. Nợ xấu

Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Dương với khoản nợ gốc là 50.000.000 VND (xem thuyết minh số V.2) đã quá hạn thanh toán trên 3 năm và được trích dự phòng 100% khoản nợ gốc.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	50.000.000	50.000.000
Số cuối năm	50.000.000	50.000.000

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.333.381.956	-	2.015.491.181	-
Công cụ, dụng cụ	22.899.125	-	27.417.259	-
Cộng	3.356.281.081	-	2.042.908.440	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	265.671.802	296.347.215
Chi phí thuê văn phòng	-	82.636.360
Chi phí sửa chữa	56.387.962	-
Công cụ, dụng cụ	21.429.147	76.648.219
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	77.866.235	134.097.550
Cộng	421.355.146	589.729.344

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	73.427.022.612	75.702.623.736
Công cụ, dụng cụ	157.446.162	98.025.942
Chi phí các dịch vụ và sửa chữa bảo dưỡng	300.424.429	539.581.149
Cộng	73.884.893.203	76.340.230.827

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.294.420.374.168	539.048.091.989	5.058.586.955	614.176.445	1.839.141.229.557
Mua trong năm	-	425.387.000	-	-	425.387.000
Số cuối năm	1.294.420.374.168	539.473.478.989	5.058.586.955	614.176.445	1.839.566.616.557
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	112.354.975	10.567.028.166	1.667.711.501	614.176.445	12.961.271.087
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	614.268.665.093	428.650.747.589	3.324.163.868	614.176.445	1.046.857.752.995
Khấu hao trong năm	75.707.693.124	51.610.658.388	376.441.332	-	127.694.792.844
Số cuối năm	689.976.358.217	480.261.405.977	3.700.605.200	614.176.445	1.174.552.545.839
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	680.151.709.075	110.397.344.400	1.734.423.087	-	792.283.476.562
Số cuối năm	604.444.015.951	59.212.073.012	1.357.981.755	-	665.014.070.718
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng như sau:

- Máy biến áp ngâm dầu 50 MVA có giá trị còn lại theo sổ sách là 7.119.466.268 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (xem thuyết minh số V.18a);



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Một số máy móc, thiết bị tại Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A có giá trị còn lại theo sổ sách là 49.598.740.830 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a,b).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.693.470.000	80.000.000	3.773.470.000
Số cuối năm	3.693.470.000	80.000.000	3.773.470.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	80.000.000	80.000.000
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	241.301.452	80.000.000	321.301.452
Khấu hao trong năm	90.547.128	-	90.547.128
Số cuối năm	331.848.580	80.000.000	411.848.580
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.452.168.548	-	3.452.168.548
Số cuối năm	3.361.621.420	-	3.361.621.420
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	3.095.175.212	11.472.328.003	14.567.503.215
- Công trình Thủy điện Srêpôk 4A - Chi phí dự án năng lượng mặt trời ⁽ⁱ⁾	2.311.469.508	-	2.311.469.508
- Trụ sở làm việc	783.705.704	11.472.328.003	12.256.033.707
Cộng	3.095.175.212	11.472.328.003	14.567.503.215

- ⁽ⁱ⁾ Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch thực hiện các bước tiếp theo để bổ sung đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời Buôn Đơn vào Quy hoạch phát triển điện VIII điều chỉnh tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT-BDHC ngày 28 tháng 02 năm 2025.

11. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	9.683.337.872	8.096.047.378
Trừ dự phòng	-	-
Giá trị thuần	9.683.337.872	8.096.047.378



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế của máy phát điện và máy biến áp có giá trị ghi sổ là 6.171.228.767 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a,b).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng 4	1.110.840.804	1.110.840.804
Công ty TNHH Anh Bình	965.034.000	-
Công ty Cổ phần Sodema	897.105.301	-
Công ty TNHH Việt Đăng Khoa	359.777.600	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vinh Thành	-	246.483.832
Các nhà cung cấp khác	42.817.944	19.425.035
Cộng	3.375.575.649	1.376.749.671

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là khoản ứng tiền mua tín chỉ carbon của Công ty Cổ phần Net Zero Carbon.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.277.931.220	25.693.182.111	(24.866.923.671)	3.104.189.660
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.300.042.387	8.759.891.992	(4.814.520.031)	8.245.414.348
Thuế thu nhập cá nhân	116.190.265	1.397.901.435	(1.244.044.439)	270.047.261
Thuế tài nguyên	2.453.215.820	33.022.436.036	(31.071.499.855)	4.404.152.001
Thuế nhà thầu	-	180.364.718	(180.364.718)	-
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên	-	3.005.541.200	(3.005.541.200)	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.077.517.060	10.877.604.660	(9.787.087.152)	4.168.034.568
Tiền thuê đất	-	40.492.032	(57.845.760)	(17.353.728)
Thuế đất phi nông nghiệp	-	1.626.912	(1.626.912)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	127.310.683	(127.310.683)	-
Cộng	12.224.896.752	83.109.351.780	(75.159.764.421)	20.174.484.110

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Điện thương phẩm : 10%
- Tín chỉ carbon : 10%

Năm 2025, thuế suất giá trị gia tăng của điện thương phẩm giảm xuống còn 8% theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/202 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 8511552116 ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và được miễn thuế trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2025 là năm thứ 12 Công ty hưởng ưu đãi về thuế suất và năm thứ 8 được giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	171.137.623.572	75.091.581.592
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.794.721.985	1.978.884.971
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(134.828)
Thu nhập tính thuế	172.932.345.557	77.070.331.735
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	34.586.469.111	15.414.066.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(17.217.718.079)	(7.383.651.373)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(8.608.859.040)	(3.691.825.686)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	8.759.891.992	4.338.589.288
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	440.184.958
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	8.759.891.992	4.778.774.246

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước nguồn với giá tính thuế là giá bán điện thương phẩm bình quân, thuế suất là 5% và với mức giá chi tiết như sau:

- Từ ngày 11/10/2024 đến trước ngày 10/05/2025	2.103,1159 VND/kWh
- Từ ngày 10/05/2025	2.204,0655 VND/kWh

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 753,2 m² đất đang sử dụng tại Thửa đất số 422 tờ bản đồ số 6, mặt tiền đường nội bộ quy hoạch rộng 14, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuật với mức 38.400 VND/ m² theo thông báo tiền thuê đất của Cơ quan thuế.

Công ty được giảm 30% tiền thuê đất phải nộp năm 2024 và 2025 theo Công văn số 638/QĐ-DLA ngày 20/08/2025 và công văn số 1589/QĐ-DLA ngày 23/10/2025 của Cục thuế Tỉnh Đắk Lắk.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/kWh.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	915.953.496	5.547.929.142
Phí bảo lãnh vay vốn	-	196.929.478
Các chi phí thuộc các hạng mục khác - Công trình		
Nhà máy thủy điện	4.333.095.546	4.333.095.546
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	59.923.610	71.235.480
Cộng	5.308.972.652	10.149.189.646

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	28.517.296.500	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 - Cổ tức phải trả	10.362.091.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa - Cổ tức phải trả	8.356.525.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại - Cổ tức phải trả	5.013.915.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Cổ tức phải trả	1.671.304.500	-
Ông Nguyễn Văn Luận - Cổ tức phải trả	3.113.461.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.328.418.829	2.770.893.525
Cổ tức phải trả	4.988.354.258	72.638.258
Công ty TNHH TM và XNK Hoàng Gia Phát	235.000.000	235.000.000
Thuế GTGT phải nộp chưa kê khai	4.080.064.571	2.463.255.267
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	25.000.000	-
Cộng	37.845.715.329	2.770.893.525

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐQT-BDHC ngày 18/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua chi trả cổ tức bằng tiền đợt 2 (phần còn lại) năm 2024 cho cổ đông, ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty đã có Thông báo về chi trả cổ tức, ngày thực hiện chi trả cổ tức là ngày 16 tháng 01 năm 2026.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk ⁽ⁱ⁾	14.976.256.592	73.681.022.197
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	24.406.197.102	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	131.205.998.524	171.641.500.740



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng Sumitomo Mitsui	-	149.166.738.000
- Ngân hàng TMCP TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà	131.205.998.524	22.474.762.740
Cộng	170.588.452.218	245.322.522.937

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Hợp đồng số 25.85.1209/2025-HĐCVHM/NHCT502-BUONDON ngày 12/09/2025 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và phân phối điện. Thời hạn vay từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/08/2026, hạn mức vay là 15 tỷ đồng, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay.

Khoản vay này được được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc biến áp tại Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với tổng giá trị tài sản cố định thế chấp là 11.000.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp số 24.85.1508.2024/HĐĐB/NHCT502 (xem thuyết minh số V.8);

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng số 01/2025/2911357/HĐTD ngày 15/11/2025 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn vay từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/10/2026 với hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ.

Hợp đồng vay này và hợp đồng vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa được cùng đảm bảo thanh toán bằng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2025/2911357/HĐTC ngày 15/01/2025 (xem thuyết minh số V.18b).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Tổng cộng
Số đầu năm	73.681.022.197	171.641.500.740	245.322.522.937
Số tiền vay phát sinh trong năm	152.686.492.555	-	152.686.492.555
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	219.399.548.524	219.399.548.524
Số tiền vay đã trả trong năm	(186.985.061.058)	(259.835.050.740)	(446.820.111.798)
Số cuối năm	39.382.453.694	131.205.998.524	170.588.452.218

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Sumitomo Mitsui ⁽ⁱ⁾	-	74.123.451.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà ⁽ⁱⁱ⁾	33.575.000.000	14.855.548.524
Cộng	33.575.000.000	88.978.999.524

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Sumitomo Mitsui để thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với lãi suất LIBOR cộng lợi nhuận biên, thời hạn vay 14 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 3 năm. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 8 năm 2015. Ngày 20/05/2025, Công ty đã thanh toán toàn bộ số dư nợ vay trước hạn và thanh lý hợp đồng vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 02/2024/2911357 ngày 30/12/2024 để trả nợ trước hạn toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay giữa Công ty và Tập đoàn ngân hàng Sumitomo Mitsui (SMBC), Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk (HDBank). Lãi suất tiền vay theo từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay. Thời hạn vay tương đương thời hạn còn lại của các khoản vay tại SMBC và HDBank, cụ thể là:

- Khoản vay trả nợ trước hạn cho SMBC: Từ ngày giải ngân đến ngày 21/02/2026;
- Khoản vay trả nợ trước hạn cho HDBank theo hợp đồng tín dụng số 29495/19MN/HĐTD ngày 20/08/2019: từ ngày giải ngân đến ngày 21/08/2026;
- Khoản vay trả nợ trước hạn cho HDBank theo hợp đồng tín dụng số 24342/20MN/HĐTD ngày 18/08/2020: từ ngày giải ngân đến ngày 18/08/2028;

Hợp đồng vay này và hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a) được cùng đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc, thiết bị tại Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A và các khoản phải thu với tổng giá trị tài sản thế chấp là 335.047.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp số 01/2025/2911357/HĐTC ngày 15/01/2025 (xem thuyết minh số V.8, V.11).

- Hợp đồng số 01/2025/2911357HĐTD ngày 20/08/2025 để bù đắp tài chính đối với các chi phí đã thanh toán, chi trả bằng vốn Công ty để thực hiện đầu tư dự án. Lãi suất tiền vay trong 06 tháng đầu tiên cố định là 6,4%/năm và sau đó sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay. Thời hạn vay 23 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Hợp đồng vay này được được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản thu từ hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A theo Hợp đồng thế chấp số 03/2025/2911357/HĐBĐ ngày 12/06/2025 (xem thuyết minh số V.8, V.11).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	131.205.998.524	171.641.500.740
Trên 1 năm đến 5 năm	33.575.000.000	88.978.999.524
Cộng	164.780.998.524	260.620.500.264

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	88.978.999.524
Số tiền vay phát sinh trong năm	238.119.000.000
Số tiền vay đã trả	(74.123.451.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(219.399.548.524)
Số cuối năm	33.575.000.000

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.812.074.924	1.054.692.110	200.000.000	(2.970.348.840)	(110.000.000)	986.418.194
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	590.000.000	-	(590.000.000)	-	-
Cộng	2.812.074.924	1.644.692.110	200.000.000	(3.560.348.840)	(110.000.000)	986.418.194

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	668.509.750.000	10.824.284.000	225.591.967.549	904.926.001.549
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	(2.044.935.865)	(2.044.935.865)
Trả cổ tức năm 2023	-	-	(66.850.975.000)	(66.850.975.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	70.312.807.346	70.312.807.346
Số dư cuối năm trước	668.509.750.000	10.824.284.000	227.008.864.030	906.342.898.030
Số dư đầu năm nay	668.509.750.000	10.824.284.000	227.008.864.030	906.342.898.030
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024	-	-	(1.644.692.110)	(1.644.692.110)
Trả cổ tức năm 2024	-	-	(100.276.462.500)	(100.276.462.500)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	162.377.731.580	162.377.731.580
Số dư cuối năm nay	668.509.750.000	10.824.284.000	287.465.441.000	966.799.475.000

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	207.241.820.000	207.241.820.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	167.130.500.000	167.130.500.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	100.278.300.000	100.278.300.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	33.426.090.000	33.426.090.000
Ông Nguyễn Văn Luận	62.269.220.000	62.056.220.000
Các cổ đông khác	98.163.820.000	98.376.820.000
Cộng	668.509.750.000	668.509.750.000

Chi tiết vốn góp của các cổ đông nêu trên được ghi nhận theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số: VNDVCAVSDB010335/VSDBSAXX ngày 06/01/2026.

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.850.975	66.850.975
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.850.975	66.850.975
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.850.975	66.850.975

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 19/NQ-ĐHĐCĐ-BDHC ngày 25 tháng 04 năm 2025 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.054.692.110
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	: 590.000.000
• Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền	: 100.276.462.500

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có tiền ngoại tệ (số đầu năm là 73,94 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	367.175.113.078	293.503.070.534
Doanh thu bán tín chỉ carbon	-	2.638.864.581
Cộng	367.175.113.078	296.141.935.115

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn điện thương phẩm	195.556.792.560	183.447.996.926
Cộng	195.556.792.560	183.447.996.926

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	405.939.336	603.887.272
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	28.496.397.648	3.933.534.936
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	62.184
Cộng	28.902.336.984	4.537.484.392

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.863.871.628	27.185.960.449
Phí đại lý và phí bảo lãnh khoản vay	161.947.928	1.081.817.476
Chi phí vay vốn khác	232.608.247	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	59.991.571
Cộng	15.258.427.803	28.327.769.496



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.423.348.761	5.569.689.691
Chi phí đồ dùng văn phòng	77.002.856	470.340.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	243.102.179	274.104.481
Thuế, phí và lệ phí	95.118.944	105.410.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.283.374.350	3.665.003.793
Các chi phí khác	2.354.064.897	3.602.827.616
Cộng	14.476.011.987	13.687.376.348

6. Thu nhập khác

Số năm nay là thu nhập từ hoàn phí bảo hiểm khoản vay trả trước hạn.

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hành chính	10.000.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	124.695.145
Cộng	10.000.000	124.695.145

8. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	162.377.731.580	70.312.807.346
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.435.665.974)	(1.054.692.110)
Trích thưởng quỹ thưởng Ban điều hành	(590.000.000)	(590.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	159.352.065.606	68.668.115.236
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	66.850.975	66.850.975
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.384	1.027

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.856.810.461	6.929.662.080
Chi phí nhân công	17.280.543.361	13.911.957.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.785.339.972	127.833.768.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.350.683.744	42.430.502.705
Chi phí khác	4.759.427.009	6.029.481.904
Cộng	210.032.804.547	197.135.373.274

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công nợ mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước tiền mua sắm tài sản cố định	468.945.300	300.000.000
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	1.470.618.404	1.110.840.804

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Văn Luận – Thành viên HĐQT		
Cổ tức phải trả	9.338.883.000	6.205.622.000
Cổ tức đã trả	6.225.422.000	6.205.622.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.17

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay			
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	144.000.000	144.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị	-	336.000.000	336.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	84.000.000	84.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	-	144.000.000	144.000.000
Giám đốc	528.266.346	-	528.266.346
Các thành viên quản lý khác	1.044.338.222	36.000.000	1.080.338.222
Cộng	1.572.604.568	744.000.000	2.316.604.568



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm trước			
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	144.000.000	144.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị	-	336.000.000	336.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	84.000.000	84.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	-	144.000.000	144.000.000
Giám đốc	485.100.168	-	485.100.168
Các thành viên quản lý khác	968.352.253	36.000.000	1.004.352.253
Cộng	1.453.452.421	744.000.000	2.197.452.421

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	Cổ đông sở hữu 31% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Cổ đông sở hữu 25% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Cổ đông sở hữu 15% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Cổ tức phải trả	31.086.273.000	20.724.182.000
Cổ tức đã trả	20.724.182.000	20.724.182.000
Chi phí lập hồ sơ	196.883.414	291.666.667
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Cổ tức phải trả	25.069.575.000	16.713.050.000
Cổ tức đã trả	16.713.050.000	16.713.050.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại		
Cổ tức phải trả	15.041.745.000	10.027.830.000
Cổ tức đã trả	10.027.830.000	10.027.830.000

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng trong lãnh thổ Việt Nam.



Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, phường Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đã nộp hồ sơ xác định lại giá bán điện cho Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đang trong quá trình xác định lại giá bán điện trong thời gian tới theo quy định. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, chưa có thông tin cuối cùng về giá bán điện. Thông tin về xác định lại giá bán điện không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh được trình bày trong Báo cáo tài chính này.

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2026



Lê Thị Kiều Vi
Người lập



Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng



Trương Hải Quang
Giám đốc

